Phụ lục 46
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ AN BIÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2, 4, 5, 7, 16, 37, 38, 39 Phụ lục 46 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL46 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG VÀ CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI KHÁC**			
1	4	Đường Đặng Thùy Trâm (Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp Kênh Thầy Cai ấp 4)	910	Bổ sung giá đất; Gộp đoạn đường (Tên cũ: Từ đường 30 tháng 4 - Kênh thứ 3; Từ kênh Thứ 3 - Cầu Thầy Cai)
2	37	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
3	38	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	312	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	2	Quốc lộ 63		

TT	Số TT PL46 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ kênh Mương Chùa đến kênh Bốn Thước	1.728	Bổ sung
2		Đường kênh Tây Sơn: Từ đường Tỉnh 966 đến kênh 50 giáp xã Đông Thái	504	Bổ sung
	16	Đường Cách Mạng Tháng 8 (Đường Thứ 3 cây xoài cũ)		
III	**HỦY BỎ**			
1	39	Các tuyến đường còn lại	288	Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL46 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**BỔ SUNG**			
1		Đất trồng rừng sản xuất	42	Bổ sung